

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6 - 2021

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Kim Đính;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Công Gia, ông Đinh Tuấn Đạt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Luật là Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồ Đ, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú tại tổ 6, ấp 1, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*Bị đơn:* Ông Lê Đình X, sinh năm 1975; nơi cư trú tại tổ 3, ấp 3, xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 01 năm 2021 và ý kiến của nguyên đơn bà Trần Thị Hồ Đ trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án như sau:*

Nguyên đơn và bị đơn Lê Đình X tự nguyện kết hôn, các đương sự đã được Ủy ban nhân dân xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn trong năm 2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung trong gia đình đã có các mâu thuẫn do bị đơn thường xuyên uống rượu, bia rồi không có trách nhiệm với vợ con. Nguyên đơn đã tự hòa giải, góp ý với bị đơn đã nhiều năm nhưng không thể giải quyết mâu thuẫn của vợ với chồng. Vợ chồng không còn sống chung trong gia đình từ tháng 7 năm 2020.

Đến nay vợ chồng có 01 con là Lê Thị Hương G, sinh ngày ... tháng 1 năm ... (con đang cư trú với nguyên đơn).

Vợ chồng các đương sự không có nợ chung; đối với tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vợ chồng các đương sự không còn tình yêu thương, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của

nguyên đơn và nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

*\* Từ ngày nguyên đơn khởi kiện vụ án đến nay bị đơn ông Lê Đình X không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\* Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:*

Tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn gửi đến Tòa án: Đơn khởi kiện, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng các đương sự;

Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã xác minh thu được các tài liệu, chứng cứ: Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn, đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn, biên bản xác minh của Tòa án và đã mở phiên họp công khai tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến nguyên đơn, bị đơn được biết để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của luật.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng:

Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, thẩm quyền thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 2, khoản 3 Điều 68, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát để nghiên cứu đúng quy định tại khoản 1 Điều 203, Điều 220, Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Thấy rằng cuộc sống vợ chồng Trần Thị Hồ Đ và Lê Đình X không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vì vậy, yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 19, Điều 56, Điều 107, Điều 110, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồ Đ được ly hôn với ông Lê Đình X. Giao nguyên đơn trực tiếp nuôi con là Lê Thị Hương G, (bị đơn Lê Đình X tạm thời chưa phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn chưa yêu cầu). Về tài sản chung, tài sản riêng, trách nhiệm thanh toán nợ được tách ra để giải quyết khi phát sinh tranh chấp; nguyên đơn Đ phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật;

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong vụ án, người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Bà Trần Thị Hồ Đ khởi kiện vụ án yêu cầu ly hôn đối với người bị kiện là ông Lê Đình X và yêu cầu được trực tiếp nuôi con thì bà Đ là nguyên đơn và ông X là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn ông Lê Đình X có nơi cư trú tại xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân và gia đình của bà Đ và ông X được xác lập năm 2014, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Đ và ông X tự nguyện kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2014 là phù hợp Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của các đương sự là hợp pháp.

Xét ý kiến yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa là chứng cứ chứng minh: Vợ chồng các đương sự có nhiều mâu thuẫn nên không có hạnh phúc của gia đình, không còn trách nhiệm giúp đỡ trong mối quan hệ của vợ chồng nên không còn sống chung gia đình từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã mở các phiên họp hòa giải vụ án nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia các phiên họp, bị đơn không có ý muốn xây dựng hôn nhân nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án để giải quyết tranh chấp trong thời kỳ hôn nhân của các đương sự.

Nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn nghiêm trọng, không còn tình nghĩa trách nhiệm của vợ và chồng. Từ các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng nên giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có tranh chấp về nuôi con, được Hội đồng xét xử giải quyết như sau: Về điều kiện nuôi dưỡng con của các đương sự ngang bằng nhau. Tuy nhiên nguyên đơn đã trực tiếp nuôi dưỡng con đến nay và Lê Thị Hương G còn là trẻ em, con chưa thành niên mới được hơn 05 tuổi, để ổn định nơi cư trú và tinh thần của con nên Hội đồng xét xử giải quyết nguyên đơn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là phù hợp các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ý kiến của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng không có nợ chung, về tài sản chung của vợ chồng không có khởi kiện. Tòa án

không thụ lý giải quyết các vấn đề này theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ... khởi kiện yêu cầu về ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết vụ án các đương sự được ly hôn là phù hợp với các chứng cứ vụ án và các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, và khoản 1, khoản 2 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Hồ Đ:

- Bà Trần Thị Hồ Đ được ly hôn đối với ông Lê Đình X.

- Về trách nhiệm của cha mẹ là bà Đ và ông X đối với con chưa thành niên: Nguyên đơn bà Trần Thị Hồ Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con: Lê Thị Hương G, sinh ngày .. tháng 1 năm ... (nguyên đơn không yêu cầu bị đơn ông Lê Đình X phải cấp dưỡng nuôi con).

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự không khởi kiện về tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

**2.** Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Hồ Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003982 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**3.** Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày Tòa án tổng đạt Bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Võ Kim Đính**

